

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/2022/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 05 tháng 8 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 99/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 36/BC-BKTNS ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp và miễn lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Hộ gia đình, cá nhân đăng ký cư trú với cơ quan đăng ký, quản lý cư trú theo quy định của pháp luật về cư trú.

b) Cơ quan công an thực hiện việc đăng ký quản lý cư trú theo quy định của pháp luật về cư trú.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu, nộp, lệ phí đăng ký cư trú.

Điều 2. Mức thu, chế độ thu, nộp và miễn lệ phí đăng ký cư trú

1. Mức thu lệ phí

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
01	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người	Đồng/lần đăng ký	15.000
02	Gia hạn tạm trú	Đồng/lần gia hạn	5.000
03	Tách hộ	Đồng/lần tách hộ	15.000
04	Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú	Đồng/lần điều chỉnh	5.000
05	Xác nhận thông tin về cư trú	Đồng/lần xác nhận	5.000

Ghi chú: việc đăng ký tạm trú theo danh sách, gia hạn tạm trú theo danh sách thì lệ phí đăng ký được tính với từng cá nhân như đăng ký tạm trú, gia hạn tạm trú cho một người.

2. Chế độ thu, nộp lệ phí

a) Tổ chức, cơ quan hoặc đơn vị được ủy quyền thu lệ phí đăng ký cư trú nộp 100% tổng số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách.

b) Tổ chức, cơ quan hoặc đơn vị được ủy quyền thu lệ phí phải niêm yết và công khai mức thu áp dụng thống nhất tại quầy thu ngân, nơi trực tiếp thu lệ phí.

3. Các trường hợp miễn lệ phí

a) Bố, mẹ, vợ, chồng, con dưới 18 tuổi của liệt sỹ; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; con dưới 18 tuổi của thương binh và những người hưởng chính sách như thương binh; bệnh binh; mẹ Việt Nam anh hùng, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng; công dân thường

trú tại các xã biên giới; các huyện đảo; đồng bào các dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; công dân thuộc hộ nghèo theo quy định của pháp luật;

b) Công dân là trẻ em dưới 16 tuổi;

c) Công dân dưới 18 tuổi, mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa;

d) Điều chỉnh các thay đổi về địa chỉ nơi cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú khi Nhà nước có sự điều chỉnh về địa giới hành chính, tên đơn vị hành chính, đổi tên đường, số nhà, xóa đăng ký thường trú, tạm trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú.

đ) Đăng ký thường trú, tạm trú hoặc điều chỉnh các thay đổi trong Cơ sở dữ liệu về cư trú có sai sót về thông tin do lỗi của cơ quan đăng ký cư trú.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 141/2018/NQ-HĐND ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định lệ phí đăng ký cư trú; lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X, Kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày 29 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2022.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- UBND cấp huyện;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng Công tác HĐND;
- Trang hồ sơ công việc;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Mai Văn Huỳnh